

TP.HCM, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ 06 THÁNG NĂM 2025

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-FIX**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-FIX hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

3. Thời hạn hoạt động của quỹ: không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán

hoặc soát xét.

- Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Đơn vị Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng Đơn vị Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu Đơn vị Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2025: 6.910.078,71 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Điều lệ Quỹ DFCVN-FIX sửa đổi bổ sung lần thứ 4 đã được Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 của Quỹ DFCVN-FIX thông qua vào ngày 24/04/2025.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ được trình bày tại Phụ lục Đính kèm Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 Quỹ DFCVN-FIX đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn truy cập tin công bố thông tin như sau: <https://dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/detail/1763>

Trong đó, nội dung sửa đổi Điều lệ Quỹ liên quan đến việc cập nhật văn bản pháp lý; bổ sung quy định, cơ chế thực hiện khi tăng tần suất giao dịch; điều chỉnh giới hạn mức tối đa của Giá Dịch vụ Lưu ký, Giám sát; chuẩn hóa các quy định tại Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của Pháp luật và nội dung khác.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Vào ngày 24/04/2025, Đại hội Nhà đầu tư Thường niên Năm Tài chính 2024 Quỹ DFCVN-FIX đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với các nội dung như sau:

- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Quỹ DFCVN-FIX;
- Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ DFCVN-FIX năm 2025:
 - Thông qua mức thù lao của Ban Đại diện Quỹ là 3.000.000 VNĐ / tháng/ người ;
 - Thông qua tổng thù lao của các thành viên Ban đại diện Quỹ DFCVN-FIX trong năm 2025 là: 108.000.000 VNĐ ;
 - Thông qua các nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ;
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, bao gồm:
 - Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn một (01) Công ty Kiểm toán để thực hiện kiểm toán cho Năm tài chính 2025 của Quỹ DFCVN-FIX);
 - Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức giá dịch vụ

quản lý quỹ trả cho Công ty Quản lý Quỹ;

- ❖ Ban Đại diện Quỹ được quyết định thay đổi (tăng, giảm) mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ nhưng không được vượt quá mức $0,9\% \times \text{NAV}/\text{năm}$ như quy định tại Điều lệ Quỹ DFCVN-FIX (Điều 61.1).
 - ❖ Mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể do Ban Đại diện Quỹ quyết định được Công ty Quản lý Quỹ công bố thông tin theo quy định, phù hợp với nội dung được quy định tại Bản Cáo bạch để áp dụng và thực hiện.
 - ❖ Thời gian áp dụng mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ cụ thể sẽ được Ban Đại diện Quỹ cân nhắc trên cơ sở làm việc với Công ty Quản lý Quỹ hoặc đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ.
 - ❖ Ban Đại diện Quỹ được tối đa hai (02) lần quyết định mức Giá Dịch vụ Quản lý Quỹ trong khoảng thời gian kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực cho đến khi Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư kế tiếp có hiệu lực.
- Thông qua nội dung ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định mức giá dịch vụ trả cho Ngân hàng Giám sát.
 - Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFCVN-FIX;
 - Thông qua thay đổi Giá Dịch vụ Lưu ký, Giá Dịch vụ Giám sát, Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ trả cho Ngân hàng Lưu ký, Ngân hàng Giám sát, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) khi tăng tần suất giao dịch của Quỹ lên nhiều hơn một (01) lần trong một (01) tuần.

STT	Loại Giá dịch vụ	Mức giá cho tần suất giao dịch một (01) lần/tuần	Mức giá thay đổi khi tăng tần suất nhiều hơn một (01) lần trong một (01) tuần
1	Giá Dịch vụ Lưu ký Giá Dịch vụ Lưu ký tối thiểu	0,05% 21.000.000 VNĐ/tháng	Tối đa 0,06% 19.000.000 VNĐ/tháng
2	Giá Dịch vụ Giám sát Giá Dịch vụ Giám sát tối thiểu	0,02% 8.000.000 VNĐ/tháng	Tối đa 0,02% 7.000.000 VNĐ/tháng
3	Giá dịch vụ Quản trị Quỹ Giá Dịch vụ Quản trị Quỹ tối thiểu	0.045% 8.000.000 VNĐ/tháng	0.035% 11.000.000 VNĐ/tháng
4	Các giá dịch vụ còn lại không thay đổi		

9. Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

- Danh mục của Quỹ DFCVN-FIX:

Cơ cấu tài sản quỹ	30/06/2025 (%)	30/06/2024 (%)	30/06/2023 (%)
--------------------	-------------------	-------------------	-------------------

1.Danh mục chứng khoán cơ cấu	31,22	21,88	38,40
2.Tiền và các khoản tương đương tiền	41,00	3,41	2,80
3.Tài sản khác	27,78	74,71	58,80
Cộng	100,00	100,00	100,00

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Chỉ tiêu	30/06/2025	30/06/2024	30/06/2023
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)	79.888.772.173	72.398.004.679	66.035.228.948
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	11.561,19	11.194,89	10.616,80
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6.910.078,71	6.467.053,93	6.219.878,91
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)	11.561,19	11.200,36	10.648,79
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ)	11.366,69	10.916,59	10.195,65

- Tổng lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)	30/06/2025	30/06/2024	30/06/2023
Tổng thu nhập của Quỹ	1.870.015.657	1.723.129.854	3.351.903.046
- Tiền lãi được nhận trong năm	1.985.923.189	1.896.318.299	2.431.506.300
- Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư	134.483	-	-
- Chênh lệch tăng (giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện tại ngày 30/6	(123.813.268)	(175.900.000)	920.000.000
- Các khoản thu nhập khác trong năm	7.771.253	2.711.555	396.746
Tổng chi phí của Quỹ	629.850.939	639.579.789	717.515.898
Tổng lợi nhuận của Quỹ	1.240.164.718	1.083.550.065	2.634.387.148

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: *Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.*

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ:

CHỈ TIÊU	Bán niên 2025 (%)	Bán niên 2024 (%)	Bán niên 2023 (%)
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,50	0,60	0,89
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,47	0,51	0,55

Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ	0,30	0,34	0,37
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,18	0,20	0,21
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	0,14	0,15	0,17
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ	1,62	1,82	2,21
Tốc độ vòng quay danh mục	12,94	0,00	0,00

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: *không có*

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

	Bán niên 2025	Bán niên 2024	Bán niên 2023
Tổng lợi nhuận (VND)	1.240.164.718	1.083.550.065	2.634.387.148

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ tính từ ngày thành lập quỹ (4/2/2021) tới ngày lập báo cáo (30/06/2025): 1.979.822.190 (VND)

3. Các chỉ tiêu so sánh khác:

Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06 năm		
	2025	2024	2023
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>	66.751.560.300	62.475.403.800	62.233.206.600
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i>	6.675.156,03	6.247.540,38	6.223.320,66
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)</i>	586.563,15	385.367,57	87.092,58
<i>Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)</i>	5.865.631.500	3.853.675.700	870.925.800

<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)</i>	(351.640,47)	(165.854,02)	(90.534,33)
<i>Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)</i>	(3.516.404.700)	(1.658.540.200)	(905.343.300)
3. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)			
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)</i>	69.100.787.100	64.670.539.300	62.198.789.100
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)</i>	6.910.078,71	6.467.053,93	6.219.878,91
4. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)	87,32	93,33	97,23
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)	89,46	94,59	98,03
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ (%)	86,83	92,78	96,46
7. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	3.431	1.872	487
8. NAV/CCQ cuối kỳ (VND/CCQ)	11.561,19	11.194,89	10.616,80

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

4. Khuyến cáo: Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *Quỹ đã đạt mục tiêu đầu tư theo quy định tại bản cáo bạch.*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự

khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ;

Quỹ DFCV-FIX giữ nguyên chiến lược đầu tư như đã công bố trong Bản cáo bạch của Quỹ, đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định của doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt và lợi suất hấp dẫn.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: *Không có sự khác biệt đáng kể.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 đạt VND11.561,19 tăng 1,61% so với giá trị tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 đạt VND11.378,07.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản:

Trong nửa đầu năm 2025 tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường, đặc biệt là chính sách thuế quan của Hoa Kỳ trong Quý 2 tác động mạnh mẽ đến thương mại toàn cầu; bên cạnh đó là sự gia tăng bất ổn về địa chính trị và xung đột quân sự lan rộng ở nhiều quốc gia, đặc biệt là ở khu vực Trung Đông. Trong khi đó FED tiếp tục cho thấy sự trì hoãn trong việc cắt giảm lãi suất, tạo sức ép lớn cho tỷ giá USD/VND.

Cũng trong giai đoạn này, Việt Nam đã hoàn thành sắp xếp lại các đơn vị hành chính như kế hoạch, đồng thời ban hành và chỉnh sửa hàng loạt các Luật, quy định nhằm thúc đẩy tăng trưởng, cải cách thể chế và khơi thông các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó Chính phủ đã đẩy mạnh nhiều biện pháp kích thích kinh tế như giảm thuế VAT, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Tuy nhiên, kế hoạch giải ngân đầu tư công trong các tháng đầu năm vẫn còn thấp so với mục tiêu, tiêu dùng nội địa phục hồi chưa được như kỳ vọng.

Trong bối cảnh đó, kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục được duy trì ổn định, các cân đối lớn được bảo đảm và đạt được nhiều kết quả tích cực. GDP 6 tháng đầu năm 2025 ước tính tăng 7,52% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 6 tháng đầu năm trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng chung, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,84%, đóng góp 5,59%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng trưởng mạnh mẽ 8,33%, đóng góp 42,20%; khu vực dịch vụ tăng 8,14%, tiếp tục là động lực chính khi đóng góp 52,21% vào tổng giá trị tăng thêm.

Hoạt động sản xuất công nghiệp và đầu tư phát triển là những điểm sáng nổi bật. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm ước tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2020. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội tăng 9,8%, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện đạt 11,72 tỷ USD, tăng 8,1% và là mức cao nhất của 6 tháng đầu năm của các năm từ 2021 đến nay.

Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng sôi động trước thời hạn thuế đối ứng của Mỹ có hiệu lực ngày 8 tháng 7. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm đạt 432,03 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu tăng 14,4%, nhập khẩu tăng 17,9%. Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 7,63 tỷ USD. Tiêu dùng trong nước tiếp tục phục hồi với tổng

mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9,3% so với cùng kỳ. Lạm phát được kiểm soát hiệu quả, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng đầu năm tăng 3,27%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra 4,5%. Tuy nhiên chỉ số PMI tháng 6/2025 nằm dưới mức 50 tháng thứ 3 liên tiếp, khi các đơn hàng xuất khẩu đã suy giảm sau giai đoạn chạy đua với thời hạn hiệu lực của chính sách thuế đối ứng của Mỹ có hiệu lực. Đây có thể là tín hiệu sớm cho những khó khăn nếu trong hoạt động xuất khẩu trong nửa cuối năm.

Trong nửa đầu năm 2025, thị trường chú ý đến việc Fed vẫn quyết định giữ nguyên lãi suất cho đến tháng 6, dù kế hoạch cắt giảm lãi suất hai lần trong năm 2025 vẫn không thay đổi. Đồng thời, chỉ số DXY, thước đo sức mạnh của USD, giảm mạnh so với đầu năm. Tuy nhiên, bất chấp đồng USD suy yếu, sức ép tỷ giá USD/VND trong nước lại tăng đáng kể, với tỷ giá liên ngân hàng đến ngày 20/6 đã tăng 2,7% so với cuối năm 2024. Mặc dù vậy, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nới lỏng, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ đạt mục tiêu 16% cho cả năm 2025. Đồng thời, lãi suất thị trường được duy trì ở mức thấp nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, với những rủi ro về thuế quan, lạm phát và tỷ giá trong nước, Ngân hàng Nhà nước có thể gặp khó khăn hơn trong việc cân bằng giữa ổn định tỷ giá và duy trì lãi suất ở mức thấp trong thời gian tới.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện chia tách đơn vị quỹ trong kỳ*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có): *Không có*

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025:

- a) Thuyết minh về việc thay đổi ngân hàng giám sát (nếu có): không có thay đổi ngân hàng giám sát trong kỳ báo cáo.
- b) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Tài sản của quỹ được lưu ký tại ngân hàng giám sát phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- c) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;

- d) Việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ đã phù hợp với quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch;
- e) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch: Công ty quản lý quỹ đã có quy trình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan
- f) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: quỹ không thực hiện phân chia lợi nhuận trong kỳ.

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ trong năm kết thúc ngày 30/06/2025:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động
Phí dịch vụ Quản trị Quỹ mở (%)	4,26	2,82	8,38
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (%)	5,32	3,53	10,48

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): *Không có*

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Trần Châu Danh